

Bến Cát, ngày 23 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Bến Cát về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Bộ phận Kế hoạch - Tài chính tại Tờ trình số 7 /TTr-KHTC ngày 23 tháng 12 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo.

(Kèm theo phụ lục I, II, III, I.1 – I.9, II.1 – II.17, III.1 – III.9)

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo, các bộ phận, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT, KHTC



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phú Hải



PHỤ LỤC III.5
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Trường THCS Thới Hòa

Mã số: 1041335; Chương: 622; Khoản: 073

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10.10/QĐ-PGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát)

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Chương - loại - khoản	Mã nguồn ngân sách	Dự toán (Tổng số)
1	2	3	4	5	6
	Tổng dự toán chi ngân sách Nhà nước		622-070-073		15.974.682.820
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (đã trừ 10% tiết kiệm)			13	14.041.347.463
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.			13	10.727.647.463
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Lương biên chế				5.667.602.400
	+ Lương hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế (9 tháng)				
	+ Lương hợp đồng Nghị Định 68				286.416.000
	+ Lương hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế (9 tháng)				596.844.000
	+ Phụ cấp				2.426.993.652
	+ Các khoản đóng góp				1.749.791.411
	- Chi cho bộ máy.				2.533.000.000
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Biên chế (89 biên chế x 25.000.000 đồng/biên chế/năm).				2.225.000.000
	+ Hợp đồng Nghị Định 68 (5 hợp đồng x 22.000.000 đồng/hợp đồng/năm).				110.000.000
	+ Hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế (12 hợp đồng x 9 tháng x 22.000.000 đồng/hợp đồng/năm)				198.000.000
	+ Huy động nguồn thu.				
	+ Ngân sách phải cấp sau khi trừ huy động nguồn thu.				2.533.000.000
	<i>Trong đó:</i>				
	* Nguồn kinh phí thường xuyên			13	2.279.700.000
	* Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương.			14	253.300.000
	- Chi hoạt động giảng dạy và học tập: 400.000 đồng/học sinh/năm x 2.585 học sinh.			13	1.034.000.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			12	1.933.335.357

STT	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Chương - loại - khoản	Mã nguồn ngân sách	Dự toán (Tổng số)
1	2	3	4	5	6
2.1	Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên				1.933.335.357
2.2	Kinh phí chi mua sắm				0